

Số: 886./QĐ - YDHP

Hải Phòng, ngày 12 tháng 8 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

(Về việc cấp học bổng kỳ II năm học 2019-2020)

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG

Căn cứ Quyết định số 06/1999/QĐ – TTg ngày 25-01-1999 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập trường Đại học Y Dược Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 2153/QĐ – TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên Trường Đại học Y Hải Phòng thành Trường Đại học Y Dược Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 44/2007/QĐ – BGDĐT ngày 15/8/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo về việc quy định học bổng khuyến khích học tập đối với học sinh, sinh viên trong các trường chuyên, trường năng khiếu, các cơ sở giáo dục đại học và trung cấp chuyên nghiệp thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Thông tư 31/2013/TT – BGD&ĐT ngày 01/8/2013 về việc sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 2 Quyết định số 44/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về học bổng khuyến khích học tập đối với học sinh, sinh viên trong các trường chuyên, trường năng khiếu, các cơ sở giáo dục đại học và trung cấp chuyên nghiệp thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

Căn cứ văn bản hợp nhất số 28/VBHN-BGDĐT năm 2014 hợp nhất Quyết định về học bổng khuyến khích học tập đối với học sinh, sinh viên trong trường chuyên, trường năng khiếu, cơ sở giáo dục đại học và trung cấp chuyên nghiệp thuộc hệ thống giáo dục quốc dân do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành

Căn cứ Nghị định 86/2015/NĐ – CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021;

Căn cứ Quyết định số 1204/QĐ – YDHP ngày 18/10/2019 của Hiệu trưởng trường Đại học Y Dược Hải Phòng về việc quy định mức học bổng khuyến khích học tập;

Căn cứ kết quả học tập và điểm rèn luyện học kỳ I năm học 2019-2020 của sinh viên các khóa trong toàn trường;

Theo đề nghị của Ông trưởng phòng Đào tạo Đại học.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Cấp học bổng kỳ II năm học 2019-2020 kể từ tháng 2/2020 đến tháng 7/2020 (05 tháng) năm học 2019-2020 cho 459 sinh viên hệ chính quy các khóa với mức học bổng như sau:

- $950.000\text{đ}/\text{tháng} \times 333 \text{ SV} \times 5 \text{ tháng} = 1.581.750.000\text{đ}$
- $1.000.000\text{đ}/\text{tháng} \times 19 \text{ SV} \times 5 \text{ tháng} = 95.000.000\text{đ}$
- $1.100.000\text{đ}/\text{tháng} \times 107 \text{ SV} \times 5 \text{ tháng} = 588.500.000\text{đ}$

Tổng cộng:

2.265.250.000đ

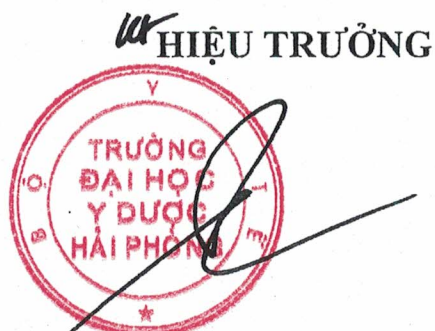
(Bằng chữ: Hai tỷ hai trăm sáu mươi lăm triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng./.)

(Có danh sách kèm theo)

Điều 2: Các Ông (Bà) Trưởng phòng Đào tạo Đại học, Tài chính kế toán, và sinh viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành quyết định này kể từ ngày ban hành.

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Lưu :HCTH;
ĐTĐH;
TCKT.



PHÓ HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS *Phạm Minh Khuê*

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC
HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠT HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP

(Căn cứ vào điểm TBC của HK1 năm học 2019 - 2020)

(Theo Quyết định số: ...88.6.../QĐ-YDHP ngày 12 tháng 8.. năm 2020)

Số tháng hưởng học bổng: 5 tháng

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	ĐTBHT	Rèn Luyện	Học bổng loại	Số tiền HB	Ghi chú
1	1655010043	VŨ THỊ HỒNG NHUNG	CNDD.K12	8.25	77	Khá 2	5,000,000	
2	1655010002	PHÙNG THỊ ANH	CNDD.K12	8.23	79	Khá 2	5,000,000	
3	1655010042	NGUYỄN THỊ THANH NHÀN	CNDD.K12	8.13	77	Khá 2	5,000,000	
4	1655010025	PHẠM THỊ HUỆ	CNDD.K12	8.09	79	Khá 2	5,000,000	
5	1655010035	DƯƠNG HƯƠNG LY	CNDD.K12	8.08	77	Khá 2	5,000,000	
6	1655010045	ĐỖ THỊ NỤ	CNDD.K12	8.07	77	Khá 2	5,000,000	
7	1755010065	Hoàng Thị Thúy	CNDD.K13	8.47	81	Giỏi 1	5,500,000	
8	1755010034	Phí Thị Thu Huyền	CNDD.K13	8.26	81	Giỏi 1	5,500,000	
9	1755010057	Hoàng Thị Thanh Phượng	CNDD.K13	8.23	79	Khá 2	5,000,000	
10	1755010073	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	CNDD.K13	8.20	75	Khá 2	5,000,000	
11	1755010059	Bùi Thị Thanh	CNDD.K13	8.14	75	Khá 2	5,000,000	
12	1755010004	Phạm Thị Quỳnh Anh	CNDD.K13	8.13	80	Giỏi 1	5,500,000	
13	1853010033	Trần Thị Thu Hương	CNDD.K14	7.68	85	Khá 1	4,750,000	
14	1853010020	Hoàng Thị Hương Giang	CNDD.K14	7.60	80	Khá 1	4,750,000	
15	1853010037	Nguyễn Thị Huyền	CNDD.K14	7.50	81	Khá 1	4,750,000	
16	1853010025	Phạm Thị Ngọc Hải	CNDD.K14	7.47	78	Khá 1	4,750,000	
17	1853010044	Đặng Hồng Khánh	CNDD.K14	7.39	81	Khá 1	4,750,000	
18	1853010080	Nguyễn Thị Thanh	CNDD.K14	7.36	80	Khá 1	4,750,000	
19	1853010049	Nguyễn Thị Liễu	CNDD.K14	7.31	80	Khá 1	4,750,000	
20	1853010023	Vũ Thị Hà	CNDD.K14	7.30	75	Khá 1	4,750,000	
21	1853010061	Nguyễn Thúy Nga	CNDD.K14	7.24	76	Khá 1	4,750,000	
22	1950000009	NGÔ THỊ NGÂN	CNDD.K15 B	7.18	78	Khá 1	4,750,000	
23	1950000126	MẠC THỊ THẢO	CNDD.K15 B	7.00	72	Khá 1	4,750,000	
24	1653320009	ĐỖ THÙY DUNG	XNYH.K8	7.70	76	Khá 1	4,750,000	

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	ĐTBHT	Rèn Luyện	Học bổng loại	Số tiền HB	Ghi chú
25	1653320024	ĐOÀN THỊ MAI	HƯƠNG	XNYH.K8	7.60	77	Khá 1	4,750,000	
26	1653320003	VƯƠNG THỊ LAN	ANH	XNYH.K8	7.54	82	Khá 1	4,750,000	
27	1653320001	PHẠM THỊ TÚ	ANH	XNYH.K8	7.51	74	Khá 1	4,750,000	2 SV/suất
28	1653320037	VŨ THỊ	NGUYỆT	XNYH.K8	7.51	74	Khá 1		
29	1653320047	TRẦN MINH	THU	XNYH.K8	7.51	81	Khá 1	4,750,000	
30	1753320001	Nguyễn Thị Quế	Anh	XNYH.K9	8.28	84	Khá 1	5,500,000	
31	1753320065	Đinh Thị Minh	Thư	XNYH.K9	8.21	84	Giỏi 1	5,500,000	
32	1753320009	Đặng Thuý	Dương	XNYH.K9	8.03	75	Khá 1	5,000,000	
33	1753320075	Vũ Văn	Việt	XNYH.K9	8.00	73	Khá 1	5,000,000	
34	1753320003	Phạm Thị Vân	Anh	XNYH.K9	7.99	77	Khá 1	4,750,000	
35	1753320020	Nguyễn Thị	Hòa	XNYH.K9	7.98	73	Khá 1	4,750,000	
36	1753320005	Tạ Đình	Ánh	XNYH.K9	7.93	75	Khá 1	4,750,000	
37	1856010068	Đỗ Minh	Trang	XNYH.K10	7.76	85	Khá 1	4,750,000	
38	1856010070	Nguyễn Thị	Trang	XNYH.K10	7.63	78	Khá 1	4,750,000	
39	1856010033	Đặng Thị	Hương	XNYH.K10	7.49	82	Khá 1	4,750,000	
40	1856010063	Nguyễn Thị	Thắm	XNYH.K10	7.38	76	Khá 1	4,750,000	
41	1856010015	Nguyễn Thị	Giang	XNYH.K10	7.35	77	Khá 1	4,750,000	
42	1856010074	Đỗ Phương	Trang	XNYH.K10	7.27	78	Khá 1	4,750,000	
43	1856010066	Phạm Thị	Thư	XNYH.K10	7.07	77	Khá 1	4,750,000	
44	1856010045	Bùi Mai	Linh	XNYH.K10	7.06	80	Khá 1	4,750,000	
45	1956010007	VŨ THỊ PHƯƠNG	ANH	XNYH.K11	7.71	73	Khá 1	4,750,000	
46	1956010023	ĐỖ THỊ THU	HÔNG	XNYH.K11	7.36	72	Khá 1	4,750,000	
47	1956010049	NGUYỄN THỊ HÔNG	LOAN	XNYH.K11	7.69	73	Khá 1	4,750,000	
48	1756010085	Phan Thị	Tuyền	RHMK9	7.75	82	Khá2	4,750,000	
49	1756010029	Hoàng Thị	Hòa	RHMK9	7.73	82	Khá2	4,750,000	
50	1756010001	Trần Xuân	An	RHMK9	7.58	84	Khá2	4,750,000	
51	1756010006	Lê Phương	Anh	RHMK9	7.28	79	Khá2	4,750,000	
52	1756010063	Nguyễn Như	Quỳnh	RHMK9	7.23	82	Khá2	4,750,000	
53	1756010043	Đặng Phương	Linh	RHMK9	7.21	89	Khá2	4,750,000	
54	1756010009	Đặng Tiểu	Bình	RHMK9	7.01	89	Khá2	4,750,000	
55	1756010007	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	RHMK9	7	80	Khá2	4,750,000	

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	ĐTBHT	Rèn Luyện	Học bổng loại	Số tiền HB	Ghi chú
56	1855010033	Khúc Thị	Huyền	RHMK10	8.17	83	Khá2	5,500,000	
57	1855010008	Tạ Thị Ngọc	Anh	RHMK10	8.1	82	Khá2	5,500,000	
58	1855010001	Phạm Thị Vân	Anh	RHMK10	7.87	84	Khá2	4,750,000	
59	1855010068	Cần Thị Huyền	Trang	RHMK10	7.78	91	Khá2	4,750,000	
60	1855010038	Vũ Thị Thùy	Linh	RHMK10	7.44	76	Khá2	4,750,000	
61	1855010039	Nguyễn Nhật	Linh	RHMK10	7.71	74	Khá2	4,750,000	
62	1855010050	Ngô Thị Minh	Phuong	RHMK10	7.51	82	Khá2	4,750,000	
63	1752010041	Phạm Thanh	Mùng	YHCTK3	7.47	82	Khá2	4,750,000	
64	1752010022	Bùi Thị Minh	Hiền	YHCTK3	7.45	81	Khá2	4,750,000	
65	1752010053	Đoàn Thị	Thảo	YHCTK3	7.43	85	Khá2	4,750,000	
66	1752010039	Nguyễn Nhật	Long	YHCTK3	7.28	75	Khá2	4,750,000	
67	1752010064	Nguyễn Thị Kim	Trung	YHCTK3	7.25	85	Khá2	4,750,000	
68	1752010059	Đậu Thị	Tiên	YHCTK3	7.01	86	Khá2	4,750,000	
69	1851150020	Vũ Thị Thu	Hằng	YHCTK4	7.25	78	Khá2	4,750,000	
70	1851150071	Trần Thị Ánh	Vân	YHCTK4	7.24	79	Khá2	4,750,000	
71	1851150002	Nguyễn Thị Lan	Anh	YHCTK4	7.19	75	Khá2	4,750,000	
72	1751030001	Vũ Quỳnh	An	YHDPK11	7.26	80	Khá2	4,750,000	
73	1751030046	Phạm Thị	Mỹ	YHDPK11	7.14	80	Khá2	4,750,000	
74	1751030032	Đoàn Thị	Liều	YHDPK11	7.09	83	Khá2	4,750,000	
75	1851100042	Nguyễn Huyền	Thảo	YHDPK12	7	75	Khá2	4,750,000	
76	1952010049	NGUYỄN THU	TRANG	DƯỢC K8	8.2	73	Khá 2	5,000,000	
77	1952010028	ĐÀO NGỌC YẾN	XUÂN	DƯỢC K8	8.16	81	Giỏi 1	5,500,000	
78	1952010075	PHẠM VĂN	TỬ	DƯỢC K8	8	82	Giỏi 1	5,500,000	
79	1952010104	NGUYỄN MẠNH	TIÊN	DƯỢC K8	7.76	83	Khá 1	4,750,000	
80	1952010015	NGUYỄN THỊ	HUYỀN	DƯỢC K8	7.76	75	Khá 1	4,750,000	
81	1952010021	PHẠM THỊ KHÁNH	HUYỀN	DƯỢC K8	7.71	71	Khá 1	4,750,000	
82	1952010030	NGUYỄN THỊ	PHƯƠNG	DƯỢC K8	7.64	77	Khá 1	4,750,000	
83	1952010093	ĐÀO THUY	DƯƠNG	DƯỢC K8	7.61	69	Khá 1	4,750,000	
84	1952010026	CHIU THỊ	GIANG	DƯỢC K8	7.49	68	Khá 1	4,750,000	
85	1952010085	HOÀNG THỊ HẠNH	TRANG	DƯỢC K8	7.46	77	Khá 1	4,750,000	
86	1952010107	NGUYỄN LAN	ANH	DƯỢC K8	7.44	81	Khá 1	4,750,000	

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	ĐTBHT	Rèn Luyện	Học bổng loại	Số tiền HB	Ghi chú
87	1952010048	TRỊNH THU	HUYỀN	DƯỢC K8	7.43	66	Khá 1	4,750,000	
88	1852010082	Nguyễn Thị	Thảo	DƯỢC K7	8.13	79	Khá 2	5,000,000	
89	1852010007	Phạm Quế	Anh	DƯỢC K7	7.62	80	Khá 1	4,750,000	
90	1852010001	Phùng Tú	Anh	DƯỢC K7	7.5	75	Khá 1	4,750,000	
91	1852010106	Phạm Thị Hồng	Vân	DƯỢC K7	7.04	73	Khá 1	4,750,000	
92	1852010028	Phạm Thanh	Hoa	DƯỢC K7	7.03	80	Khá 1	4,750,000	
93	1852010094	Phạm Thị Thu	Trang	DƯỢC K7	7.32	81	Khá 1	4,750,000	
94	1852010074	Nguyễn Thúy	Phương	DƯỢC K7	7.19	73	Khá 1	4,750,000	
95	1852010024	Nguyễn Minh	Hằng	DƯỢC K7	7.14	77	Khá 1	4,750,000	
96	1852010060	Bùi Thúy	Mỹ	DƯỢC K7	7.1	82	Khá 1	4,750,000	
97	1852010086	Lê Thị Bảo	Thoa	DƯỢC K7	7.09	79	Khá 1	4,750,000	
98	1852010076	Nguyễn Thị Mỹ	Phượng	DƯỢC K7	7.05	83	Khá 1	4,750,000	
99	1852010078	Ngô Thị	Quỳnh	DƯỢC K7	7.04	75	Khá 1	4,750,000	
100	1754010073	Trần Thị Minh	Tâm	DƯỢC K6	7.97	80	Khá 1	4,750,000	
101	1754010084	Nguyễn Thị	Thiệp	DƯỢC K6	7.85	80	Khá 1	4,750,000	
102	1754010011	Trần Thị Ánh	Dương	DƯỢC K6	7.73	82	Khá 1	4,750,000	
103	1754010009	Trần Ngọc	Dung	DƯỢC K6	7.65	77	Khá 1	4,750,000	
104	1754010048	Ngô Thị	Linh	DƯỢC K6	7.63	83	Khá 1	4,750,000	
105	1754010076	Nguyễn Thị	Thanh	DƯỢC K6	7.63	80	Khá 1	4,750,000	
106	1754010019	Đồng Thị Thu	Hà	DƯỢC K6	7.6	82	Khá 1	4,750,000	
107	1754010098	Hoàng Minh	Tuấn	DƯỢC K6	7.59	81	Khá 1	4,750,000	
108	1754010081	Đồng Thị	Thảo	DƯỢC K6	7.59	74	Khá 1	4,750,000	
109	1754010082	Nguyễn Thị Thu	Thảo	DƯỢC K6	7.59	74	Khá 1	4,750,000	
110	1754010064	Nguyễn Thị Tuyết	Nhung	DƯỢC K6	7.58	80	Khá 1	4,750,000	
111	1654010015	PHẠM THỊ	DIỆM	DƯỢC K5	7.78	80	Khá 1	4,750,000	
112	1654010004	TÔ THỊ HỒNG	ANH	DƯỢC K5	7.75	81	Khá 1	4,750,000	
113	1654010019	LÊ MINH	DUYỀN	DƯỢC K5	7.63	81	Khá 1	4,750,000	
114	1654010022	NGUYỄN THỊ	GIANG	DƯỢC K5	7.6	80	Khá 1	4,750,000	
115	1654010029	LÊ MẠNH	HIỆP	DƯỢC K5	7.53	81	Khá 1	4,750,000	
116	1654010049	NGUYỄN THỊ	MƠ	DƯỢC K5	7.52	79	Khá 1	4,750,000	
117	1654010040	NGUYỄN NGỌC	HUYỀN	DƯỢC K5	7.51	79	Khá 1	4,750,000	

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	ĐTBHT	Rèn Luyện	Học bổng loại	Số tiền HB	Ghi chú
118	1654010053	NGUYỄN THỊ	NGUYỄN	DƯỢC K5	7.51	77	Khá 1	4,750,000	
119	1654010026	PHẠM THỊ	HẢO	DƯỢC K5	7.43	79	Khá 1	4,750,000	
120	1554010005	DƯƠNG THỊ	DUNG	DƯỢC K4	8.67	81	Giỏi 1	5,500,000	
121	1554010046	HOÀNG THỊ	THÙY	DƯỢC K4	8.64	89	Giỏi 1	5,500,000	
122	1554010017	NGUYỄN THỊ	HUYỀN	DƯỢC K4	8.61	81	Giỏi 1	5,500,000	
123	1554010001	NGUYỄN THỊ VIỆT	ANH	DƯỢC K4	8.51	81	Giỏi 1	5,500,000	
124	1554010026	ĐỖ THỊ	NAM	DƯỢC K4	8.49	81	Giỏi 1	5,500,000	
125	1554010030	CHU THỊ THIÊN	NGA	DƯỢC K4	8.42	87	Giỏi 1	5,500,000	
126	1551010372	VŨ THỊ PHƯƠNG	THẢO	YDK.37C	8.27	94	Giỏi 1	5,500,000	
127	1551010306	Hà Kim	Oanh	YDK.37C	8.26	85	Giỏi 1	5,500,000	
128	1551010371	ĐÀO THỊ	THẢO	YDK.37D	8.22	89	Giỏi 1	5,500,000	
129	1551010196	KHÔNG THỊ NGỌC	HUYỀN	YDK.37C	8.18	86	Giỏi 1	5,500,000	
130	1551010204	NGUYỄN THỊ KHÁNH	HUYỀN	YDK.37C	8.17	92	Giỏi 1	5,500,000	
131	1551010444	DƯƠNG THỊ HUYỀN	TRANG	YDK.37C	8.17	88	Giỏi 1	5,500,000	
132	1551010339	TIÊU THỊ NHƯ	QUỲNH	YDK.37C	8.13	88	Giỏi 1	5,500,000	
133	1551010065	NGUYỄN THỊ THANH	DUNG	YDK.37F	8.12	96	Giỏi 1	5,500,000	
134	1551010310	NGUYỄN THỊ	OANH	YDK.37D	8.08	90	Giỏi 1	5,500,000	
135	1551010193	NGUYỄN THỊ	HUYỀN	YDK.37B	8.08	83	Giỏi 1	5,500,000	
136	1551010169	ĐÀO THỊ	HUỆ	YDK.37C	8.07	88	Giỏi 1	5,500,000	
137	1551010226	NGÔ THỊ DIỆU	LINH	YDK.37D	8.06	76	Khá 2	5,000,000	
138	1551010221	NGUYỄN THỊ THÙY	LINH	YDK.37H	8.05	85	Giỏi 1	5,500,000	
139	1551010288	LÊ THỊ MINH	NGỌC	YDK.37A	8.05	81	Giỏi 1	5,500,000	
140	1551010398	NGUYỄN THỊ	THU	YDK.37C	8.04	89	Giỏi 1	5,500,000	
141	1551010148	NGÔ THỊ THANH THANH	HIỀN	YDK.37H	8.04	80	Giỏi 1	5,500,000	
142	1551010089	NGUYỄN HẢI	DUYỀN	YDK.37D	8.03	89	Giỏi 1	5,500,000	
143	1551010441	NGUYỄN THỊ HÀ	TRANG	YDK.37F	8.02	85	Giỏi 1	5,500,000	
144	1551010033	NGUYỄN ĐỨC	CẢNH	YDK.37E	8.02	83	Giỏi 1	5,500,000	
145	1551010294	NGUYỄN THỊ	NGUYỆT	YDK.37C	8.01	88	Giỏi 1	5,500,000	
146	1551010160	TRẦN THỊ	HÒA	YDK.37E	8.01	82	Giỏi 1	5,500,000	
147	1551010008	VŨ THỂ	ANH	YDK.37E	8.01	79	Khá 2	5,000,000	
148	1551010040	NGUYỄN THỊ	CHÍNH	YDK.37E	8	90	Giỏi 1	5,500,000	

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	ĐTBHT	Rèn Luyện	Học bổng loại	Số tiền HB	Ghi chú
211	1751010036	Trần Thị Lan Anh	YDK.39F	7.68	85	Khá 1	4,750,000	
212	1751010074	Nguyễn Thu Dung	YDK.39E	7.68	84	Khá 1	4,750,000	
213	1751010278	Trần Thị Kim Loan	YDK.39C	7.68	83	Khá 1	4,750,000	
214	1751010002	Vũ Thị Ngọc Anh	YDK.39C	7.68	80	Khá 1	4,750,000	
215	1751010012	Nguyễn Thị Vân Anh	YDK.39C	7.67	87	Khá 1	4,750,000	
216	1751010119	Vũ Thị Hà	YDK.39D	7.66	77	Khá 1	4,750,000	
217	1751010449	Phạm Văn Tiến	YDK.39I	7.65	83	Khá 1	4,750,000	
218	1751010375	Phùng Anh Quân	YDK.39K	7.64	91	Khá 1	4,750,000	
219	1751010128	Nguyễn Phương Hải	YDK.39A	7.63	80	Khá 1	4,750,000	
220	1751010142	Lương Tuyết Hạnh	YDK.39H	7.63	73	Khá 1	4,750,000	
221	1751010005	Phạm Quỳnh Anh	YDK.39A	7.62	80	Khá 1	4,750,000	
222	1751010348	Nguyễn Thị Hồng Nhung	YDK.39F	7.61	91	Khá 1	4,750,000	
223	1751010483	Nguyễn Thị Thanh Tuấn	YDK.39A	7.61	88	Khá 1	4,750,000	
224	1751010526	Trần Thị Yên	YDK.39A	7.58	77	Khá 1	4,750,000	
225	1751010310	Trần Thị Minh	YDK.39C	7.57	80	Khá 1	4,750,000	
226	1751010495	Vũ Thị Tố Uyên	YDK.39A	7.57	80	Khá 1	4,750,000	
227	1751010062	Đặng Nguyễn Thu Cúc	YDK.39A	7.57	77	Khá 1	4,750,000	
228	1751010149	Nguyễn Thu Hiền	YDK.39I	7.54	82	Khá 1	4,750,000	
229	1751010155	Lê Trung Hiếu	YDK.39B	7.54	82	Khá 1	4,750,000	
230	1751010192	Trần Thị Bích Huệ	YDK.39F	7.54	78	Khá 1	4,750,000	
231	1751010488	Nguyễn Thị Tươi	YDK.39D	7.54	77	Khá 1	4,750,000	
232	1751010459	Nguyễn Huyền Trang	YDK.39C	7.53	77	Khá 1	4,750,000	
233	1751010044	Trần Diệu Ánh	YDK.39A	7.53	75	Khá 1	4,750,000	
234	1751010341	Nguyễn Long Nhật	YDK.39C	7.52	87	Khá 1	4,750,000	
235	1751010473	Vũ Văn Trung	YDK.39I	7.51	95	Khá 1	4,750,000	
236	1751010163	Nguyễn Trung Hiếu	YDK.39B	7.51	91	Khá 1	4,750,000	
237	1751010289	Hoàng Thảo Ly	YDK.39I	7.51	91	Khá 1	4,750,000	
238	1751010346	Nguyễn Thị Nhung	YDK.39C	7.51	81	Khá 1	4,750,000	
239	1751010017	Đào Thị Minh Anh	YDK.39A	7.51	80	Khá 1	4,750,000	
240	1751010382	Nguyễn Thị Sen	YDK.39D	7.49	88	Khá 1	4,750,000	
241	1751010361	Trần Thị Phương	YDK.39D	7.49	86	Khá 1	4,750,000	

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	ĐTBHT	Rèn Luyện	Học bổng loại	Số tiền HB	Ghi chú
242	1751010428	Bế Thị Lệ	Thu	YDK.39C	7.47	86	Khá 1	4,750,000	
243	1751010060	Đặng Thị Ngọc	Cúc	YDK.39A	7.46	81	Khá 1	4,750,000	
244	1751010498	Nguyễn Việt	Văn	YDK.39I	7.45	95	Khá 1	4,750,000	
245	1751010445	Nguyễn Thị	Thùy	YDK.39A	7.45	81	Khá 1	4,750,000	
246	1751010205	Trần Thị Lan	Hương	YDK.39H	7.44	86	Khá 1	4,750,000	
247	1751010208	Phạm Thuý	Hường	YDK.39I	7.44	85	Khá 1	4,750,000	
248	1651010112	ĐỖ THỊ THÚY	HẰNG	YDK.38D	8.58	89	Giỏi 1	5,500,000	
249	1651010204	TRẦN THỊ MỸ	LINH	YDK.38F	8.33	81	Giỏi 1	5,500,000	
250	1651010190	NGUYỄN THỊ	LAN	YDK.38F	8.32	81	Giỏi 1	5,500,000	
251	1651010370	PHẠM THỊ THU	TRANG	YDK.38F	8.29	91	Giỏi 1	5,500,000	
252	1651010109	LÊ THỊ	HẢI	YDK.38D	8.25	81	Giỏi 1	5,500,000	
253	1651010039	ĐOÀN HẢI	BÌNH	YDK.38D	8.22	95	Giỏi 1	5,500,000	
254	1651010069	CAO VIỆT	DŨNG	YDK.38D	8.19	86	Giỏi 1	5,500,000	
255	1651010167	NGUYỄN THỊ	HUƠNG	YDK.38F	8.18	80	Giỏi 1	5,500,000	
256	1651010356	NGUYỄN VĂN	TOÁN	YDK.38C	8.18	84	Giỏi 1	5,500,000	
257	1651010378	PHẠM PHƯƠNG	TRINH	YDK.38D	8.18	81	Giỏi 1	5,500,000	
258	1651010040	NGUYỄN THỊ THANH	BÌNH	YDK.38F	8.17	82	Giỏi 1	5,500,000	
259	1651010263	TRẦN THỊ	NGUYỆT	YDK.38D	8.11	75	Khá 2	5,000,000	
260	1651010316	NGUYỄN THỊ	THẨM	YDK.38B	8.11	81	Giỏi 1	5,500,000	
261	1651010352	NGUYỄN THỊ	THỦY	YDK.38E	8.11	80	Giỏi 1	5,500,000	
262	1651010078	HOÀNG VĂN	DUY	YDK.38C	8.10	81	Giỏi 1	5,500,000	
263	1651010245	PHẠM THỊ THÚY	NGA	YDK.38F	8.10	81	Giỏi 1	5,500,000	
264	1651010119	NGÔ THU	HẠNH	YDK.38B	8.08	80	Giỏi 1	5,500,000	
265	1651010163	NGUYỄN DIỄM	HƯƠNG	YDK.38F	8.08	82	Giỏi 1	5,500,000	
266	1651010255	NGUYỄN HUY	NGHIỆM	YDK.38E	8.08	77	Khá 2	5,000,000	
267	1651010260	ĐỖ HỒNG	NGỌC	YDK.38F	8.08	81	Giỏi 1	5,500,000	
268	1651010236	NGÔ THỊ TUYẾT	MINH	YDK.38D	8.05	88	Giỏi 1	5,500,000	
269	1651010309	PHẠM VĂN	SANG	YDK.38E	8.04	86	Giỏi 1	5,500,000	
270	1651010125	LÊ THỊ THU	HIỀN	YDK.38F	8.03	80	Giỏi 1	5,500,000	
271	1651010371	NGUYỄN THỊ	TRANG	YDK.38E	8.03	83	Giỏi 1	5,500,000	
272	1651010028	PHẠM MINH	ANH	YDK.38C	8.00	79	Khá 2	5,000,000	

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	ĐTBHT	Rèn Luyện	Học bổng loại	Số tiền HB	Ghi chú
273	1651010408	Bùi Thị Thanh	Hương	YDK.38E	7.99	77	Khá 1	4,750,000	
274	1651010162	ĐỖ THỊ	HƯƠNG	YDK.38G	7.99	82	Khá 1	4,750,000	
275	1651010103	TRẦN NGUYỆT	HÀ	YDK.38C	7.98	79	Khá 1	4,750,000	
276	1651010154	ĐÀM QUỐC	HÙNG	YDK.38G	7.95	81	Khá 1	4,750,000	
277	1651010329	ĐOÀN THỊ THU	THẢO	YDK.38E	7.95	77	Khá 1	4,750,000	
278	1651010206	ĐÀO THỊ THÙY	LINH	YDK.38A	7.94	82	Khá 1	4,750,000	
279	1651010003	Nông Việt	Anh	YDK.38D	7.92	83	Khá 1	4,750,000	
280	1651010277	VŨ THỊ VÂN	OANH	YDK.38E	7.92	82	Khá 1	4,750,000	
281	1651010194	BÙI THỊ	LAN	YDK.38F	7.91	80	Khá 1	4,750,000	
282	1651010089	HỒ CÔNG	ĐỒNG	YDK.38G	7.90	90	Khá 1	4,750,000	
283	1651010386	BÙI VIỆT	TUẤN	YDK.38B	7.90	81	Khá 1	4,750,000	
284	1651010137	NGUYỄN ĐÌNH	HIỆU	YDK.38A	7.89	80	Khá 1	4,750,000	
285	1651010290	CAO VIỆT	PHƯƠNG	YDK.38H	7.89	91	Khá 1	4,750,000	
286	1651010362	NGUYỄN THỊ NGỌC	TRÂM	YDK.38F	7.89	85	Khá 1	4,750,000	
287	1556010024	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	LAN	RHM.K7	8.62	83	Giỏi 1	5,500,000	
288	1556010011	TÔ TIẾN	DŨNG	RHM.K7	8.46	98	Giỏi 1	5,500,000	
289	1556010009	LÊ THỊ	BÌNH	RHM.K7	8.4	98	Giỏi 1	5,500,000	
290	1556010040	NGUYỄN PHƯƠNG	THÙY	RHM.K7	8.3	88	Giỏi 1	5,500,000	
291	1551030011	NGUYỄN THỊ THANH	HƯƠNG	YHDPK9	8.09	82	Giỏi 1	5,500,000	
292	1551030018	HOÀNG THỊ	LY	YHDPK9	7.83	78	Khá 1	4,750,000	
293	1551030022	VŨ THỊ	MẾN	YHDPK9	7.8	79	Khá 1	4,750,000	
294	1551030029	ĐÀO THỊ THANH	NHÀN	YHDPK9	7.74	78	Khá 1	4,750,000	
295	1551030033	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	THẢO	YHDPK9	7.67	78	Khá 1	4,750,000	
296	1851010332	Lưu Ngọc	Mai	YDK.40I	8.27	92	Giỏi 1	5,500,000	
297	1851010256	Phạm Minh	Huyền	YDK.40D	7.96	82	Khá 1	4,750,000	
298	1851010350	Huỳnh Văn	Nam	YDK.40A	7.96	81	Khá 1	4,750,000	
299	1851010533	Lê Thu	Trang	YDK.40E	7.85	90	Khá 1	4,750,000	
300	1851010264	Dương Thị	Huyền	YDK.40I	7.85	80	Khá 1	4,750,000	
301	1851010595	Nguyễn Thị	Yên	YDK.40B	7.82	77	Khá 1	4,750,000	
302	1851010311	Lưu Thị Minh	Loan	YDK.40H	7.79	77	Khá 1	4,750,000	
303	1851010153	Đỗ Nhật	Hạ	YDK.40H	7.78	77	Khá 1	4,750,000	

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	ĐTBHT	Rèn Luyện	Học bổng loại	Số tiền HB	Ghi chú
304	1851010591	Hoàng Thị Ngọc	Yến	YDK.40B	7.75	83	Khá 1	4,750,000	
305	1851010229	Nguyễn Thị Thanh	Hương	YDK.40E	7.74	90	Khá 1	4,750,000	
306	1851010081	Nguyễn Thị	Diễm	YDK.40D	7.74	80	Khá 1	4,750,000	
307	1851010139	Trần Thị Phương	Hà	YDK.40I	7.73	80	Khá 1	4,750,000	
308	1851010455	Nguyễn Thị	Thanh	YDK.40F	7.68	78	Khá 1	4,750,000	
309	1851010593	Phạm Hoàng	Yến	YDK.40H	7.67	83	Khá 1	4,750,000	
310	1851010515	Trần Lê	Thùy	YDK.40D	7.67	82	Khá 1	4,750,000	
311	1851010202	Phạm Đình	Hoàng	YDK.40B	7.66	82	Khá 1	4,750,000	
312	1851010543	Nguyễn Quang	Trung	YDK.40G	7.65	88	Khá 1	4,750,000	
313	1851010221	Bùi Hải	Hung	YDK.40D	7.65	77	Khá 1	4,750,000	
314	1851010575	Nguyễn Thị	Vân	YDK.40B	7.64	79	Khá 1	4,750,000	
315	1851010484	Nguyễn Minh	Thoại	YDK.40A	7.63	83	Khá 1	4,750,000	
316	1851010534	Nguyễn Thị Thu	Trang	YDK.40E	7.62	90	Khá 1	4,750,000	
317	1751010223	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	YDK.40D	7.58	83	Khá 1	4,750,000	
318	1851010370	Đỗ Hồng	Ngọc	YDK.40I	7.57	88	Khá 1	4,750,000	
319	1851010495	Nguyễn Huy	Thuận	YDK.40A	7.55	89	Khá 1	4,750,000	
320	1851010480	Bùi Thị	Thoa	YDK.40I	7.55	82	Khá 1	4,750,000	
321	1851010530	Dương Thùy	Trang	YDK.40C	7.55	80	Khá 1	4,750,000	
322	1851010266	Cao Khánh	Huyền	YDK.40B	7.53	75	Khá 1	4,750,000	
323	1851010130	Lê Thị Hương	Giang	YDK.40E	7.52	86	Khá 1	4,750,000	
324	1851010342	Nguyễn Thị Ngọc	Minh	YDK.40B	7.52	77	Khá 1	4,750,000	
325	1851010398	Nguyễn Thị	Non	YDK.40D	7.52	73	Khá 1	4,750,000	
326	1851010066	Nguyễn Thị Kim	Chi	YDK.40D	7.51	85	Khá 1	4,750,000	
327	1851010397	Đinh Hải	Ninh	YDK.40B	7.49	85	Khá 1	4,750,000	
328	1851010307	Lê Thị Hoàng	Linh	YDK.40B	7.49	79	Khá 1	4,750,000	
329	1851010314	Bồ Anh	Lộc	YDK.40G	7.49	78	Khá 1	4,750,000	
330	1851010268	Trần Thị Khánh	Huyền	YDK.40G	7.48	80	Khá 1	4,750,000	
331	1851010597	Nguyễn Hải	Yến	YDK.40B	7.47	75	Khá 1	4,750,000	
332	1851010434	Bùi Thị	Quỳnh	YDK.40C	7.46	80	Khá 1	4,750,000	
333	1851010348	Trần Hà	Nam	YDK.40D	7.45	90	Khá 1	4,750,000	
334	1851010392	Trần Thị Hồng	Nhung	YDK.40H	7.45	82	Khá 1	4,750,000	

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	ĐTBHT	Rèn Luyện	Học bổng loại	Số tiền HB	Ghi chú
335	1851010512	Tạ Thị	Thùy	YDK.40K	7.43	79	Khá 1	4,750,000	
336	1851010169	Mai Minh	Hằng	YDK.40B	7.41	92	Khá 1	4,750,000	
337	1851010138	Nguyễn Thị Ngọc	Hà	YDK.40I	7.41	80	Khá 1	4,750,000	
338	1851010383	Dương Ánh	Nhi	YDK.40F	7.4	81	Khá 1	4,750,000	
339	1851010321	Lương Sinh	Long	YDK.40C	7.39	97	Khá 1	4,750,000	
340	1851010132	Phạm Hương	Giang	YDK.40D	7.39	80	Khá 1	4,750,000	
341	1851010566	Lê Thị Thu	Uyên	YDK.40F	7.39	74	Khá 1	4,750,000	
342	1851010107	Phạm Thị	Duyên	YDK.40G	7.38	80	Khá 1	4,750,000	
343	1851010448	Phạm Thị Hồng	Thắm	YDK.40K	7.38	77	Khá 1	4,750,000	
344	1851010569	Điền Đức	Văn	YDK.40B	7.37	77	Khá 1	4,750,000	
345	1851010230	Phạm Thị Mai	Hương	YDK.40F	7.37	75	Khá 1	4,750,000	
346	1851010161	Phạm Thị Thu	Hằng	YDK.40A	7.36	81	Khá 1	4,750,000	
347	1851010246	Vương Khắc	Huy	YDK.40F	7.36	79	Khá 1	4,750,000	
348	1851010548	Nguyễn Mạnh	Trưởng	YDK.40F	7.35	74	Khá 1	4,750,000	
349	1851010521	Bùi Thị	Tĩnh	YDK.40H	7.35	72	Khá 1	4,750,000	
350	1851010108	Hà Thị Tâm	Đan	YDK.40D	7.34	81	Khá 1	4,750,000	
351	1851010358	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	YDK.40B	7.33	77	Khá 1	4,750,000	
352	1851010531	Vũ Thị Thu	Trang	YDK.40F	7.33	72	Khá 1	4,750,000	
353	1851010126	Trần Thị Quỳnh	Giang	YDK.40G	7.32	87	Khá 1	4,750,000	
354	1851010208	Dương Thị	Hợp	YDK.40D	7.32	79	Khá 1	4,750,000	
355	1851010298	Nguyễn Thị	Linh	YDK.40K	7.32	77	Khá 1	4,750,000	
356	1851010286	Nguyễn Ngọc	Lan	YDK.40F	7.32	76	Khá 1	4,750,000	
357	1851010106	Trần Thị	Duyên	YDK.40D	7.32	73	Khá 1	4,750,000	
358	1851010525	Trịnh Thị Bảo	Trần	YDK.40G	7.31	82	Khá 1	4,750,000	
359	1851010231	Đỗ Thị Thu	Hương	YDK.40D	7.31	80	Khá 1	4,750,000	
360	1851010585	Bùi Nguyễn Yến	Vy	YDK.40C	7.29	80	Khá 1	4,750,000	
361	1656010053	NGUYỄN THỊ	PHƯƠNG	RHM.K8	7.99	80	Khá 1	4,750,000	
362	1656010059	NGUYỄN THỊ	THÚY	RHM.K8	7.89	80	Khá 1	4,750,000	
363	1656010004	PHAN NGỌC	ÁNH	RHM.K8	7.81	81	Khá 1	4,750,000	
364	1656010015	ĐỖ THỊ HƯƠNG	GIANG	RHM.K8	7.67	80	Khá 1	4,750,000	
365	1656010050	NGUYỄN THỊ	OANH	RHM.K8	7.63	77	Khá 1	4,750,000	

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	ĐTBHT	Rèn Luyện	Học bổng loại	Số tiền HB	Ghi chú
366	1656010013	ĐOÀN THỊ GIANG	RHM.K8	7.59	73	Khá 1	4,750,000	
367	1552010016	DƯƠNG ĐỨC LÂM	YHCTK1	8.15	79	Khá 2	5,000,000	
368	1552010039	NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG	YHCTK1	7.98	79	Khá 1	4,750,000	
369	1552010021	NGUYỄN HÀ PHƯƠNG	YHCTK1	7.91	80	Khá 1	4,750,000	
370	1552010002	VŨ VĂN ĐỖ	YHCTK1	7.79	79	Khá 1	4,750,000	
371	1652010024	TRẦN THỊ THU HƯƠNG	YHCTK2	7.95	79	Khá 1	4,750,000	
372	1652010046	TRẦN THỊ MINH THƯ	YHCTK2	7.93	76	Khá 1	4,750,000	
373	1652010055	TRẦN VĂN TUẤN	YHCTK2	7.78	79	Khá 1	4,750,000	
374	1652010019	NGUYỄN THỊ HIỀN	YHCTK2	7.6	73	Khá 1	4,750,000	
375	1651030021	NGUYỄN THỊ HỒNG	YHDPK10	8.32	82	Giỏi 1	5,500,000	
376	1651030050	CAO THỊ TRANG	YHDPK10	7.79	83	Khá 1	4,750,000	
377	1651030030	NGUYỄN THỊ NGỌC MAI	YHDPK10	7.69	80	Khá 1	4,750,000	
378	1951010344	TRƯƠNG DIỆU LINH	K41 A	8.03	90	Giỏi 1	5,500,000	
379	1951010529	ĐỖ TRỌNG QUÝ	K41 A	7.72	90	Khá 1	4,750,000	
380	1951010184	TRẦN THỊ THANH THẢO	K41 B	7.62	71	Khá 1	4,750,000	
381	1951010315	NGUYỄN PHƯƠNG THẨM	K41 B	7.59	82	Khá 1	4,750,000	
382	1951010243	BÙI THỊ LAN	K41 C	7.53	82	Khá 1	4,750,000	
383	1951010268	PHẠM THANH TÂM	K41 A	7.49	95	Khá 1	4,750,000	
384	1951010470	VŨ DUY HÙNG	K41 I	7.46	74	Khá 1	4,750,000	
385	1951010468	NGUYỄN THỊ DIỆU LINH	K41 B	7.45	70	Khá 1	4,750,000	
386	1951010145	NGÔ THỊ TRANG	K41 B	7.44	68	Khá 1	4,750,000	
387	1951010434	TRẦN THỊ LINH	K41 I	7.43	77	Khá 1	4,750,000	
388	1951010534	ĐẶNG MINH HOÀNG	K41 I	7.36	84	Khá 1	4,750,000	
389	1951010121	LƯU THỊ VY	K41 G	7.34	88	Khá 1	4,750,000	
390	1951010499	NGUYỄN THỊ KIM LOAN	K41 B	7.31	68	Khá 1	4,750,000	
391	1951010101	CHU NGỌC ÁNH	K41 C	7.27	90	Khá 1	4,750,000	
392	1951010408	NGUYỄN VŨ HOÀNG	K41 A	7.27	83	Khá 1	4,750,000	
393	1951010550	NGUYỄN HƯƠNG GIANG	K41 I	7.26	82	Khá 1	4,750,000	
394	1951010413	NGUYỄN QUỲNH HƯƠNG	K41 B	7.24	79	Khá 1	4,750,000	
395	1951010372	TẠ BÍCH LIÊN	K41 B	7.24	65	Khá 1	4,750,000	
396	1951010229	NGUYỄN THỊ THÚY HỒNG	K41 A	7.23	87	Khá 1	4,750,000	

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	ĐTBHT	Rèn Luyện	Học bổng loại	Số tiền HB	Ghi chú
397	1951010185	PHẠM TRẦN TUẤN	MINH	K41 A	7.22	88	Khá 1	4,750,000	
398	1951010295	VŨ THỊ	MAI	K41 K	7.21	88	Khá 1	4,750,000	
399	1951010091	Phạm Thị Mỹ	Linh	K41 B	7.2	85	Khá 1	4,750,000	
400	1951010298	BÙI THỊ MINH	PHƯƠNG	K41 A	7.19	83	Khá 1	4,750,000	
401	1951010023	PHẠM VIỆT	CƯỜNG	K41 H	7.17	74	Khá 1	4,750,000	
402	1951010414	NGUYỄN THỊ LỆ	THÚY	K41 H	7.14	90	Khá 1	4,750,000	
403	1951010375	CAO MỸ	DUYÊN	K41 B	7.11	84	Khá 1	4,750,000	
404	1951010406	PHẠM TUẤN	MINH	K41 C	7.09	82	Khá 1	4,750,000	
405	1951010094	NGUYỄN THỊ TRÀ	MY	K41 B	7.06	74	Khá 1	4,750,000	
406	1951010421	NGUYỄN THỊ THANH	TÂM	K41 I	7.05	78	Khá 1	4,750,000	
407	1951010132	LÊ KHÁNH	HUYỀN	K41 K	7.03	90	Khá 1	4,750,000	
408	1951010472	Nguyễn Hữu	Tùng	K41 A	7.03	82	Khá 1	4,750,000	
409	1951010528	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	ANH	K41 B	7.02	74	Khá 1	4,750,000	
410	1951010035	NGUYỄN THỊ THU	UYÊN	K41 I	7.01	81	Khá 1	4,750,000	
411	1451010502	Nguyễn Thị	Vân	YDK.36F	86	Tốt	Giỏi3	5,500,000	
412	1451010157	Nguyễn Thị Kim	Hoàn	YDK.36H	8.48	Xuất sắc	Giỏi3	5,500,000	
413	1451010337	Lâm Văn	Phuong	YDK.36F	8.46	Tốt	Giỏi3	5,500,000	
414	1451010516	Nguyễn Thị Hoàng	Yên	YDK.36G	8.44	Xuất sắc	Giỏi3	5,500,000	
415	1451010173	Đỗ Thị	Huệ	YDK.36C	8.38	Tốt	Giỏi3	5,500,000	
416	1451010149	Trần Thế	Hoà	YDK.36D	8.3	Xuất sắc	Giỏi3	5,500,000	
417	1451010405	Vũ Văn	Thế	YDK.36E	8.24	Tốt	Giỏi3	5,500,000	
418	1451010161	Bùi Thị	Hồng	YDK.36E	8.22	Xuất sắc	Giỏi3	5,500,000	
419	1451010393	Nguyễn Phương	Thảo	YDK.36D	8.22	Xuất sắc	Giỏi3	5,500,000	
420	1451010004	Ngô Đức	Anh	YDK.36D	8.2	Tốt	Giỏi3	5,500,000	
421	1451010036	Đỗ Thị	Bình	YDK.36F	8.2	Tốt	Giỏi3	5,500,000	
422	1451010047	Đào Thế	Chí	YDK.36G	8.2	Xuất sắc	Giỏi3	5,500,000	
423	1451010368	Nguyễn Thế	Tài	YDK.36D	8.2	Tốt	Giỏi3	5,500,000	
424	1451010213	Bùi Tuấn	Khanh	YDK.36F	8.18	Xuất sắc	Giỏi3	5,500,000	
425	1451010268	Nguyễn Thị	Mai	YDK.36E	8.16	Tốt	Giỏi3	5,500,000	
426	1451010412	Phạm Thị	Thơ	YDK.36E	8.14	Tốt	Giỏi3	5,500,000	
427	1451010030	Đỗ Thị Ngọc	Ánh	YDK.36D	8.1	Tốt	Giỏi3	5,500,000	

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	ĐTBHT	Rèn Luyện	Học bổng loại	Số tiền HB	Ghi chú
428	1451010143	Vũ Trung	Hiếu	YDK.36E	8.08	Tốt	Giỏi3	5,500,000	
429	1451010619	Đỗ Huy	Thắng	YDK.36H	8.07	Tốt	Giỏi3	5,500,000	
430	1451010210	Nguyễn Thị	Huyền	YDK.36D	8.06	Tốt	Giỏi3	5,500,000	
431	1451010189	Nguyễn Thị	Hương	YDK.36D	8.06	Tốt	Giỏi3	5,500,000	
432	1451010335	Nguyễn Văn	Phượng	YDK.36H	8.06	Xuất sắc	Giỏi3	5,500,000	
433	1451010338	Nguyễn Thị	Phượng	YDK.36F	8.06	Tốt	Giỏi3	5,500,000	
434	1451010126	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	YDK.36H	8.04	Tốt	Giỏi3	5,500,000	
435	1451010457	Phạm Thị Hà	Trang	YDK.36F	8.04	Tốt	Giỏi3	5,500,000	
436	1451010350	Đỗ Thị Hồng	Quyên	YDK.36E	8.02	Tốt	Giỏi3	5,500,000	
437	1451010504	Đinh Thị Tường	Vi	YDK.36A	8.02	Xuất sắc	Giỏi3	5,500,000	
438	1451010155	Nguyễn Thu	Hoài	YDK.36H	8	Xuất sắc	Giỏi3	5,500,000	
439	1451010334	Đỗ Minh	Phượng	YDK.36B	8	Tốt	Giỏi3	5,500,000	
440	1451010415	Nguyễn Thị	Thu	YDK.36G	8	Xuất sắc	Giỏi3	5,500,000	
441	1451010454	Hoàng Thị Thùy	Trang	YDK.36F	8	Tốt	Giỏi3	5,500,000	
442	1451010202	Lê Thị Thu	Hường	YDK.36H	7.98	Tốt	Khá2	4,750,000	
443	1451010278	Nguyễn Thị	Mến	YDK.36F	7.98	Tốt	Khá2	4,750,000	
444	1451010293	Nguyễn Thị	Nga	YDK.36D	7.98	Khá	Khá2	4,750,000	
445	1451010349	Nguyễn Thị	Quyên	YDK.36B	7.98	Tốt	Khá2	4,750,000	
446	1451010403	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	YDK.36B	7.98	Tốt	Khá2	4,750,000	
447	1451010011	Đào Thị Ngọc	Anh	YDK.36G	7.96	Xuất sắc	Khá2	4,750,000	
448	1451010048	Lương Văn	Chiến	YDK.36F	7.96	Tốt	Khá2	4,750,000	
449	1451010145	Đào Quang	Hiếu	YDK.36D	7.96	Khá	Khá2	4,750,000	
450	1451010085	Bùi Hải	Đặng	YDK.36F	7.94	Tốt	Khá2	4,750,000	
451	1451010133	Đào Thị Thu	Hiền	YDK.36A	7.94	Tốt	Khá2	4,750,000	
452	1451010470	Nguyễn Văn	Trường	YDK.36D	7.94	Tốt	Khá2	4,750,000	
453	1456010033	Nguyễn Thùy	Linh	RHM.K6	8.7	Tốt	Giỏi3	5,500,000	
454	1456010051	Nguyễn Thị	Thu	RHM.K6	8.63	Tốt	Giỏi3	5,500,000	
455	1456010004	Nguyễn Thị	Bến	RHM.K6	8.52	Xuất sắc	Giỏi3	5,500,000	
456	1456010061	Nguyễn Thị	Xiêm	RHM.K6	8.52	Xuất sắc	Giỏi3	5,500,000	
457	1451030047	Đỗ Thị Thùy	Linh	YDP.K8	8.4	Xuất sắc	Giỏi3	5,500,000	
458	1451030064	Nguyễn Thị Thu	Phượng	YDP.K8	8.21	Tốt	Giỏi3	5,500,000	

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	ĐTBHT	Rèn Luyện	Học bổng loại	Số tiền HB	Ghi chú
459	1451030003	Trần Thị Vân	Anh	YDP.K8	8.19	Xuất sắc	Giới3	5,500,000	
460	1451030041	Đào Thị Thu	Huyền	YDP.K8	8.06	Xuất sắc	Giới3	5,500,000	

NGƯỜI LẬP


 Nguyễn Thị Quyên Nhung

 HIỆU TRƯỞNG



PHÓ HIỆU TRƯỞNG
 PGS.TS *Phạm Minh Khuê*